

Số: /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về thu thập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu
trên Hệ thống thông tin quản lý của Đại học Quốc gia Hà Nội**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3018/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý, vận hành và khai thác phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin của ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 4838/QĐ-ĐHQGHN ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác và đồng bộ dữ liệu, thông tin cán bộ, viên chức và người lao động tại ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định về chức năng và nhiệm vụ của Văn phòng, các ban chức năng của ĐHQGHN;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về thu thập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý của ĐHQGHN.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng ĐHQGHN, Trưởng Ban chức năng, Thủ trưởng đơn vị thành viên, trực thuộc ĐHQGHN và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Giám đốc.
- Lưu: VT, VP, QTĐHS, T6.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Bảo Sơn

QUY CHẾ

Về thu thập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin quản lý của Đại học Quốc gia Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHQGHN ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định các hoạt động thu thập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu (sau đây gọi chung là hoạt động dữ liệu) trên Hệ thống thông tin quản lý (sau đây gọi là Hệ thống VNU-MIS) của Đại học Quốc gia Hà Nội (sau đây gọi là ĐHQGHN); nghĩa vụ, trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động dữ liệu trong ĐHQGHN.

2. Những nội dung về hoạt động dữ liệu, quản lý dữ liệu và trách nhiệm liên quan đến quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống VNU-MIS không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu, Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Văn phòng ĐHQGHN, ban chức năng, Khối Văn phòng Đảng - đoàn thể.
- Đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc ĐHQGHN (sau đây gọi chung là đơn vị thuộc ĐHQGHN).
- Cán bộ, giảng viên, nhà khoa học, người lao động, học sinh, sinh viên, học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại ĐHQGHN (sau đây gọi chung là cá nhân trong ĐHQGHN).
- Tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống VNU-MIS.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Hệ thống VNU-MIS (tên Tiếng Anh là: Management Information

System): là hệ thống thông tin, bao gồm tập hợp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm quản lý và cơ sở dữ liệu dùng chung, do ĐHQGHN xây dựng, quản lý, sử dụng, vận hành đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý, tạo lập dữ liệu gốc, kết nối, chia sẻ dữ liệu, hỗ trợ cơ chế ra quyết định dựa trên dữ liệu trong ĐHQGHN.

2. *Đơn vị vận hành hệ thống*: là đầu mối được Giám đốc ĐHQGHN giao trách nhiệm quản lý, vận hành, duy trì hoạt động ổn định, liên tục Hệ thống VNU-MIS, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

3. *Đầu mối thực hiện hoạt động dữ liệu*: là cá nhân do đơn vị cử làm đầu mối phụ trách việc thu thập, cập nhật, chia sẻ và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trên Hệ thống VNU-MIS.

4. *Bảng điều khiển* (tên Tiếng Anh là: Dashboard): là công cụ tổng hợp và trực quan dữ liệu dưới dạng các biểu đồ và chỉ số phục vụ theo dõi kết quả hoạt động, nhận diện xu hướng và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện hoạt động dữ liệu

1. Hoạt động dữ liệu trong ĐHQGHN phải tuân thủ các quy định pháp luật về dữ liệu, an toàn, an ninh thông tin mạng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, theo đúng quyền được giao.

2. Dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS là dữ liệu quan trọng, thống nhất dùng chung trong ĐHQGHN, được quản lý, bảo vệ và khai thác như tài nguyên chiến lược, phục vụ lợi ích và mục tiêu phát triển chung của ĐHQGHN.

3. Giám đốc ĐHQGHN có thẩm quyền yêu cầu đơn vị thuộc ĐHQGHN cung cấp dữ liệu trong phạm vi, quyền hạn của mình.

4. Chủ sở hữu dữ liệu chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lệ, toàn vẹn, đầy đủ, cập nhật và khả năng truy xuất nguồn gốc của dữ liệu do mình cung cấp lên Hệ thống VNU-MIS.

5. Các hệ thống thông tin của ĐHQGHN phải tích hợp, sử dụng và không thu thập lại dữ liệu đã được lưu trữ hoặc kết nối, chia sẻ hợp lệ trên Hệ thống VNU-MIS.

6. Tích hợp biện pháp bảo vệ dữ liệu trong toàn bộ vòng đời xây dựng, phát triển dữ liệu. Tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin đối với dữ liệu đã khai thác.

7. Hoạt động dữ liệu phải được phân quyền theo các cấp độ: quản trị, giám sát, cập nhật, phê duyệt phù hợp với vai trò (đơn vị, cá nhân) và đặc điểm, tính chất chuyên môn, nghiệp vụ, tránh chồng chéo.

Điều 5. Hệ thống thông tin quản lý của ĐHQGHN

1. Hệ thống VNU-MIS được thiết lập và vận hành trên hạ tầng kỹ thuật do Văn phòng ĐHQGHN quản lý, có địa chỉ truy nhập trên Internet là <https://mis.vnu.edu.vn>.

2. Thông tin, dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS sau khi được xác nhận, ký

số hợp lệ là căn cứ chính thức phục vụ hoạt động quản lý, điều hành, quản trị đại học và hoạt động chuyên môn về đào tạo, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hợp tác phát triển, xếp hạng và các mục đích có liên quan khác.

3. Các thành phần chính của Hệ thống VNU-MIS bao gồm:

a) Các chức năng cơ bản phục vụ công tác báo cáo, thu thập, cập nhật, tổng hợp, phân tích dữ liệu và cung cấp, khai thác thông tin về đào tạo, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác phát triển, chuyển đổi số, và quản lý đại học.

b) Kho dữ liệu (theo nhiều chủ đề) tập trung tích hợp, lưu trữ và quản lý dữ liệu đã được phân loại theo các tính chất chia sẻ, quan trọng của dữ liệu.

c) Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu làm trung gian kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các phân hệ chức năng, kho dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác bên ngoài.

d) Phân hệ báo cáo dữ liệu trực quan dưới dạng Bảng điều khiển.

4. Tài khoản trên Hệ thống VNU-MIS gồm loại tài khoản quản trị (theo thẩm quyền và được cấp riêng) và loại tài khoản thực hiện hoạt động dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS (dùng chung với tài khoản đăng nhập tên miền “@vnu.edu.vn” của ĐHQGHN).

5. Hệ thống VNU-MIS kết nối với các cơ sở dữ liệu ngành giáo dục tại Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên, cơ sở vật chất, tài chính – đầu tư, kiểm định chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và chương trình đào tạo) và các cơ sở dữ liệu khác phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra của cấp có thẩm quyền.

6. Dữ liệu được thu thập, cập nhật dựa trên cơ sở dữ liệu có liên quan vào Hệ thống VNU-MIS sẽ đồng bộ sang Hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục đại học (HEMIS) và các hệ thống thông tin liên quan khác. Việc nhập lại dữ liệu chỉ cần thiết khi dữ liệu chưa bảo đảm chính xác và thiếu tương thích tiêu chuẩn kỹ thuật.

7. Hệ thống VNU-MIS được phân loại cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ba.

Điều 6. Các hành vi không được làm

1. Truy cập, sửa đổi, khai thác, sử dụng dữ liệu không đúng mục đích; phá hoại dữ liệu hoặc cung cấp dữ liệu đã khai thác cho bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý chủ sở hữu dữ liệu.

2. Cố ý cung cấp dữ liệu giả mạo, sai lệch, không đầy đủ, không đúng thẩm quyền hoặc đã hết thời hiệu.

3. Xây dựng, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cản trở việc thống nhất và liên thông dữ liệu, vi phạm nguyên tắc nhập một lần.

4. Chia sẻ thông tin đăng nhập, mật khẩu hoặc các phương thức xác thực cho tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Cản trở việc vận hành thông suốt, an toàn Hệ thống VNU-MIS.

Chương II

DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Điều 7. Phân loại dữ liệu

1. Dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS được phân loại dựa trên yêu cầu quản trị, xử lý, bảo vệ dữ liệu, bao gồm:

a) Phân loại theo tính chất chia sẻ dữ liệu gồm: dữ liệu dùng chung, dữ liệu dùng riêng, dữ liệu mở.

b) Phân loại theo tính chất quan trọng của dữ liệu gồm: dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng, dữ liệu khác.

2. Văn phòng ĐHQGHN và các Ban chức năng có trách nhiệm phân loại dữ liệu theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

3. Các đơn vị thuộc ĐHQGHN có trách nhiệm phân loại dữ liệu do mình là chủ sở hữu theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này và được phân loại dữ liệu theo các tiêu chí khác nếu ĐHQGHN chưa có quy định.

4. Văn phòng ĐHQGHN trình Giám đốc ĐHQGHN ban hành tiêu chí xác định dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng của ĐHQGHN.

Điều 8. Phân nhóm dữ liệu theo lĩnh vực

1. Dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS được phân nhóm theo các lĩnh vực sau:

a) Dữ liệu trong lĩnh vực đào tạo.

b) Dữ liệu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Dữ liệu trong lĩnh vực hợp tác và phát triển.

d) Dữ liệu trong lĩnh vực chuyển đổi số.

đ) Dữ liệu phục vụ quản trị đại học.

e) Dữ liệu khác, gồm: dữ liệu từ hoạt động giao dịch, dữ liệu hệ thống, dữ liệu lưu trữ lịch sử.

2. Mỗi nhóm dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này được cấu trúc thành hai (02) lớp, bao gồm: nhóm dữ liệu cấp ĐHQGHN và nhóm dữ liệu của đơn vị thuộc ĐHQGHN.

Nhóm dữ liệu cấp ĐHQGHN được cấu thành trên cơ sở tổng hợp, đồng bộ một số trường thông tin từ nhóm dữ liệu của đơn vị thuộc ĐHQGHN, có bổ sung các dữ liệu cần thiết khác phục vụ công tác quản lý.

3. ĐHQGHN là chủ sở hữu dữ liệu đối với toàn bộ dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS.

4. ĐHQGHN giao một ban chức năng hoặc Văn phòng ĐHQGHN đảm nhiệm vai trò đơn vị chủ quản dữ liệu đối với một nhóm dữ liệu cấp ĐHQGHN, đồng thời làm chủ sở hữu dữ liệu đối với nhóm dữ liệu của đơn vị trực thuộc ĐHQGHN theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

5. Đơn vị thành viên ĐHQGHN là đơn vị sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu đối với các nhóm, lĩnh vực dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình; có trách nhiệm báo cáo, kết nối và đồng bộ dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS theo yêu cầu đơn vị chủ quản dữ liệu cấp ĐHQGHN tương ứng (quy định tại Điều 28 Quy chế này).

Điều 9. Dữ liệu trong lĩnh vực đào tạo

1. Dữ liệu tuyển sinh: hồ sơ thí sinh, nguyện vọng đăng ký, phương thức và điểm xét tuyển, kết quả trúng tuyển và thông tin nhập học.

2. Dữ liệu quản lý người học: hồ sơ, lý lịch sinh viên, học viên; quá trình học tập, kết quả học tập, điểm rèn luyện; tình trạng học vụ; các chế độ chính sách, học bổng, khen thưởng, kỷ luật.

3. Dữ liệu chương trình đào tạo: ngành, chuyên ngành đào tạo; quyết định mở ngành; chuẩn đầu ra; khung chương trình đào tạo; danh mục học phần, đề cương chi tiết.

4. Dữ liệu tổ chức đào tạo: học liệu, lớp học phần, thời khóa biểu, phân công giảng viên, quản lý và cấp phát văn bằng, chứng chỉ.

Điều 10. Dữ liệu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Dữ liệu nhiệm vụ khoa học và công nghệ: đề tài, dự án, chương trình khoa học và công nghệ các cấp (bao gồm: thuyết minh, tiến độ, kinh phí, sản phẩm, kết quả nghiệm thu).

2. Dữ liệu công bố khoa học: bài báo khoa học, sách chuyên khảo, báo cáo tại hội nghị, hội thảo (kèm theo các chỉ số trích dẫn).

3. Dữ liệu sở hữu trí tuệ: đơn đăng ký và bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, bản quyền tác giả.

4. Dữ liệu nhân lực khoa học và công nghệ: hồ sơ khoa học của nhà khoa học (bao gồm: lý lịch khoa học, quá trình nghiên cứu, các công trình đã công bố, hướng nghiên cứu).

5. Dữ liệu đổi mới sáng tạo: doanh nghiệp khoa học công nghệ, spin-off, các hoạt động chuyển giao công nghệ, ươm tạo và khởi nghiệp.

Điều 11. Dữ liệu trong lĩnh vực hợp tác và phát triển

1. Dữ liệu chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài.

2. Dữ liệu các dự án, chương trình hợp tác, nhiệm vụ khoa học có yếu tố quốc tế.
3. Dữ liệu hồ sơ tuyển sinh, sinh viên quốc tế.
4. Dữ liệu hồ sơ sinh viên ĐHQGHN tham gia các chương trình giao lưu văn hóa, trao đổi sinh viên tại các tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài.
5. Dữ liệu các hội nghị, hội thảo, diễn đàn khoa học có yếu tố quốc tế.
6. Dữ liệu các đối tác trong và ngoài nước, các thỏa thuận hợp tác, các chương trình, dự án hợp tác đã và đang triển khai.
7. Dữ liệu về cán bộ, giảng viên đi nước ngoài.

Điều 12. Dữ liệu trong lĩnh vực chuyển đổi số

1. Các bộ dữ liệu và chỉ số đo lường mức độ trưởng thành số của các đơn vị.
2. Dữ liệu đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng dữ liệu và các nền tảng số dùng chung.
3. Dữ liệu về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.
4. Thông số cấu hình của hạ tầng kỹ thuật và hệ thống thông tin.
5. Dữ liệu về mức độ đảm bảo an toàn thông tin.
6. Các dữ liệu khác theo Kiến trúc Đại học số của ĐHQGHN.

Điều 13. Dữ liệu phục vụ quản trị đại học

1. Dữ liệu tổ chức và nhân sự: cơ cấu tổ chức các đơn vị; hồ sơ cán bộ, viên chức, người lao động; hợp đồng lao động; quá trình công tác, đào tạo, bồi dưỡng; kết quả đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng, kỷ luật.
2. Dữ liệu kế hoạch và tài chính: kế hoạch chiến lược, kế hoạch công tác hàng năm; khung KPI; dự toán và quyết toán ngân sách; quản lý thu chi; quản lý tài sản, công nợ.
3. Dữ liệu cơ sở vật chất: đất đai, nhà cửa, phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện, trang thiết bị; tình hình sử dụng, bảo trì và khấu hao tài sản.

Chương III

HOẠT ĐỘNG DỮ LIỆU TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Điều 14. Tiêu chí xác định dữ liệu dùng chung

1. Dữ liệu dùng chung của ĐHQGHN được xác định theo các tiêu chí sau:
 - a) Là dữ liệu có tính tham chiếu, được sử dụng lặp lại trong nhiều quy trình nghiệp vụ hoặc nhiều hệ thống thông tin khác nhau.

b) Là dữ liệu bảo đảm tính nhất quán, đồng bộ trong quản lý, vận hành và phân tích dữ liệu, phục vụ tổng hợp báo cáo cấp ĐHQGHN hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Là dữ liệu có nhu cầu khai thác, sử dụng bởi từ hai đơn vị thuộc ĐHQGHN trở lên.

2. Văn phòng ĐHQGHN chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng xây dựng, trình Giám đốc ĐHQGHN ban hành Danh mục dữ liệu dùng chung của ĐHQGHN.

Điều 15. Bảo đảm chất lượng dữ liệu

1. Tiêu chuẩn chất lượng dữ liệu

a) Chủ quản dữ liệu có trách nhiệm xây dựng và ban hành các quy tắc, tiêu chuẩn chất lượng cụ thể cho các trường dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý, bao gồm các quy tắc về định dạng, tính hợp lệ, phạm vi giá trị, các ràng buộc và nguồn gốc.

b) Văn phòng ĐHQGHN chủ trì, phối hợp với ban chức năng xây dựng và duy trì Từ điển dữ liệu chung (tài liệu và công cụ kỹ thuật định nghĩa thống nhất tên gọi, mô tả, định dạng, đơn vị tính, mối liên kết và cách sử dụng của các trường dữ liệu) sử dụng giữa các đơn vị trong ĐHQGHN nhằm bảo đảm kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu hiệu quả.

2. Chất lượng dữ liệu thể hiện ở tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, hợp pháp, bảo mật và khả năng truy xuất của dữ liệu, được kiểm tra bằng chức năng kiểm tra ràng buộc tự động của Hệ thống VNU-MIS và thông qua quy trình rà soát, đối chiếu của chủ quản dữ liệu.

3. Lịch sử hiệu chỉnh, thay đổi dữ liệu phải được ghi lại trong nhật ký hoạt động Hệ thống VNU-MIS để bảo đảm minh bạch và khả năng truy vết.

4. Văn phòng ĐHQGHN định kỳ hằng năm hoặc đột xuất đánh giá hoạt động dữ liệu trong ĐHQGHN đáp ứng yêu cầu về chất lượng dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu.

Điều 16. Thu thập, cập nhật dữ liệu

1. Việc thu thập, cung cấp và cập nhật, hiệu chỉnh dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật và của ĐHQGHN.

2. Các đơn vị thuộc ĐHQGHN là chủ sở hữu dữ liệu, chủ quản dữ liệu có trách nhiệm:

a) Thu thập, cung cấp và cập nhật, hiệu chỉnh dữ liệu quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11, 12 và 13 của Quy chế này lên Hệ thống VNU-MIS.

b) Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng kỳ, hạn và hợp lệ của dữ liệu thuộc phạm vi, lĩnh vực phụ trách.

c) Phối hợp xác minh, làm rõ khi có yêu cầu kiểm tra, đối chiếu dữ liệu từ

ĐHQGHN (qua ban chức năng là chủ quản dữ liệu đối với từng lĩnh vực).

3. Văn phòng ĐHQGHN, ban chức năng thực hiện vai trò chủ quản dữ liệu đối với nhóm dữ liệu theo lĩnh vực của ĐHQGHN có trách nhiệm:

a) Xây dựng và ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình, biểu mẫu, tiêu chuẩn và tần suất thực hiện thu thập, cập nhật đối với các nhóm dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều 8 thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

b) Tổ chức kiểm tra, đối chiếu, xác thực tính hợp lệ, logic và nhất quán của dữ liệu được các đơn vị thuộc ĐHQGHN cung cấp.

c) Tổng hợp dữ liệu từ các các đơn vị thuộc ĐHQGHN hình thành các nhóm dữ liệu của ĐHQGHN.

d) Chủ trì, phối hợp xử lý các sai sót, mâu thuẫn dữ liệu được phát hiện.

4. Đơn vị vận hành hệ thống có trách nhiệm triển khai cơ chế kết nối, tích hợp, đồng bộ dữ liệu tự động (qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu) từ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu liên quan với Hệ thống VNU-MIS.

Điều 17. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS được thực hiện ưu tiên qua phương thức kết nối, chia sẻ trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin thông qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

2. Trong trường hợp chưa thể kết nối trực tuyến, việc chia sẻ dữ liệu có thể thực hiện thông qua các chức năng xuất, nhập dữ liệu có cấu trúc trên Hệ thống VNU-MIS hoặc bằng văn bản yêu cầu chính thức gửi đến chủ quản dữ liệu.

3. Đơn vị vận hành hệ thống chủ trì, phối hợp với các chủ quản dữ liệu quy định cụ thể về quy trình, thủ tục kỹ thuật cho từng phương thức kết nối, chia sẻ.

Điều 18. Khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Phân quyền truy cập và khai thác dữ liệu

a) Hành vi truy cập và khai thác dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS được phân quyền phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi trách nhiệm được giao của từng đối tượng sử dụng.

b) Đơn vị vận hành hệ thống thực hiện cấp phát, điều chỉnh và thu hồi quyền truy cập Hệ thống VNU-MIS. Việc cấp quyền phải dựa trên văn bản đề nghị của Thủ trưởng đơn vị và có sự phê duyệt của chủ quản dữ liệu đối với loại dữ liệu được yêu cầu.

c) Các mức độ truy cập được mô tả và phân định rõ ràng, bao gồm: chỉ xem, xem và xuất dữ liệu, nhập và sửa dữ liệu, xóa dữ liệu, phê duyệt dữ liệu.

2. Khai thác dữ liệu qua thành phần Bảng điều khiển và công cụ phân tích

a) Hệ thống VNU-MIS cung cấp các Bảng điều khiển trực quan cho lãnh đạo, quản lý các cấp theo dõi các chỉ số hoạt động chính phục vụ công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành.

b) Cá nhân được phân quyền được phép sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu tích hợp trên hệ thống để tự tạo các báo cáo động, tùy chỉnh theo nhu cầu quản lý và nghiệp vụ cụ thể.

3. Quy định về báo cáo

a) Dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi trên Hệ thống VNU-MIS là nguồn thông tin chính thức để lập các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Giám đốc ĐHQGHN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Các đơn vị trong ĐHQGHN có trách nhiệm sử dụng chức năng báo cáo của Hệ thống VNU-MIS để kết xuất và nộp báo cáo theo quy định, thay thế cho việc tổng hợp và gửi báo cáo thủ công.

Điều 19. Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu

1. ĐHQGHN ưu tiên và khuyến khích đơn vị, cá nhân khai thác, phân tích dữ liệu dùng chung trên Hệ thống VNU-MIS cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm và phát triển các sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ đào tạo, nghiên cứu và quản trị đại học.

2. Dữ liệu trên Hệ thống VNU-MIS, sau khi được xử lý ẩn danh hoặc phân loại phù hợp, được coi là tài nguyên thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo. Việc khai thác các dữ liệu này cho mục đích nghiên cứu phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, sở hữu trí tuệ và đạo đức nghiên cứu tại Quy chế này.

3. Các đơn vị, cá nhân trong ĐHQGHN có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về dữ liệu được đề xuất hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đặc thù theo quy định của pháp luật và ĐHQGHN.

Điều 20. Hoạt động thử nghiệm có kiểm soát

1. ĐHQGHN thiết lập cơ chế hoạt động thử nghiệm có kiểm soát cho các sản phẩm, dịch vụ, mô hình quản trị mới về dữ liệu mà chưa có quy định cụ thể, nhằm đánh giá rủi ro, lợi ích trước khi triển khai trên diện rộng.

2. Hệ thống VNU-MIS và kho dữ liệu đã được chuẩn hóa được sử dụng làm môi trường chính để triển khai các hoạt động thử nghiệm này.

3. Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo là đơn vị đầu mối, tham mưu cho Giám đốc ĐHQGHN ban hành quy định cụ thể về việc đăng ký, phê duyệt, giám sát và đánh giá các phương án tham gia hoạt động thử nghiệm có kiểm soát.

4. Phạm vi thử nghiệm được giới hạn về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động chung và an toàn, an ninh dữ

liệu của ĐHQGHN. Các rủi ro phải được nhận diện, xem xét đầy đủ và có phương án kiểm soát chi tiết trong phương án thử nghiệm.

Điều 21. Giám sát, xếp hạng hoạt động dữ liệu

1. Hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các đơn vị trong ĐHQGHN phải được giám sát liên tục, công khai và có truy vết.

2. Văn phòng ĐHQGHN chịu trách nhiệm thiết lập biện pháp kỹ thuật phù hợp và báo cáo kết quả giám sát dữ liệu định kỳ cho Giám đốc ĐHQGHN.

3. Việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung của các đơn vị được xếp hạng định kỳ hàng năm. Tiêu chí xếp hạng bao gồm:

- a) Tỷ lệ dữ liệu thuộc danh mục dùng chung đã kết nối, chia sẻ đúng quy định.
- b) Chất lượng dữ liệu (đầy đủ, chính xác, kịp thời, hợp pháp, bảo mật và khả năng truy xuất).

c) Mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định về an toàn thông tin.

4. Kết quả xếp hạng được công khai và sử dụng làm căn cứ để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và thành tích thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có liên quan.

Chương IV

QUẢN TRỊ, VẬN HÀNH VÀ BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ

Điều 22. Quản trị, vận hành

1. Hệ thống VNU-MIS được quản trị, vận hành theo mô hình phối hợp các bên: đơn vị vận hành hệ thống, chủ quản dữ liệu và đơn vị cung cấp dữ liệu.

2. Mọi hoạt động nâng cấp, chỉnh sửa chức năng của Hệ thống VNU-MIS phải tuân thủ quy trình quản lý thay đổi do Đơn vị vận hành hệ thống ban hành, có sự phê duyệt của chủ quản dữ liệu liên quan, bảo đảm không ảnh hưởng đến tính ổn định và toàn vẹn dữ liệu.

3. Đơn vị vận hành hệ thống có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng định kỳ; lập kế hoạch nâng cấp hệ thống khi cần thiết để đáp ứng yêu cầu phát triển và thay đổi công nghệ.

Điều 23. Phương án kỹ thuật kết nối dữ liệu

1. Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống VNU-MIS qua Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu của ĐHQGHN do Đơn vị vận hành hệ thống quản lý.

2. Phương thức kết nối:

- a) Kết nối thông qua giao diện lập trình ứng dụng (API) được công bố và

quản lý trên Trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

b) Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chung về kết nối, an toàn thông tin theo hướng dẫn của Đơn vị vận hành hệ thống.

3. Trình tự thực hiện kết nối gồm các bước sau:

a) Đơn vị cung cấp dữ liệu gửi văn bản đăng ký tới Đơn vị vận hành hệ thống, trong đó mô tả rõ mục đích, phạm vi dữ liệu cần kết nối, chia sẻ và các thông số kỹ thuật của hệ thống cần kết nối.

b) Đơn vị vận hành hệ thống chủ trì, phối hợp với chủ quản dữ liệu liên quan thẩm định yêu cầu, đánh giá khả năng đáp ứng kỹ thuật và an toàn thông tin. Nếu được chấp thuận, Đơn vị vận hành hệ thống sẽ cung cấp tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tài khoản và các thông tin cần thiết để thực hiện kết nối trên môi trường thử nghiệm.

c) Đơn vị cung cấp dữ liệu phối hợp với Đơn vị vận hành hệ thống để tiến hành kết nối, đồng bộ dữ liệu trên môi trường thử nghiệm nhằm kiểm tra tính ổn định, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu.

d) Sau khi kết nối thử nghiệm thành công, các bên liên quan tiến hành nghiệm thu. Đơn vị vận hành hệ thống thực hiện cấu hình và đưa kết nối vào vận hành chính thức trên Hệ thống VNU-MIS.

Điều 24. Kiểm soát truy cập

1. Việc truy cập, khai thác, sử dụng Hệ thống VNU-MIS phải được ghi nhật ký, lưu vết đầy đủ về thời gian, tài khoản, hành vi và nội dung truy cập. Nhật ký này phải được lưu trữ tối thiểu năm (05) năm và phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá an toàn thông tin và xử lý vi phạm khi cần thiết.

2. Đơn vị vận hành hệ thống có trách nhiệm hướng dẫn kỹ thuật, kiểm tra định kỳ việc thực hiện kiểm soát truy cập tại các đơn vị thuộc ĐHQGHN.

Điều 25. Bảo đảm an toàn thông tin

1. Hệ thống VNU-MIS phải được thiết lập tuân thủ đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ ba, triển khai đầy đủ các phương án bảo vệ tương ứng theo quy định pháp luật.

2. Triển khai đồng bộ các biện pháp kỹ thuật bảo vệ Hệ thống VNU-MIS, bao gồm nhưng không giới hạn: tường lửa, hệ thống phát hiện và ngăn chặn xâm nhập, mã hóa dữ liệu quan trọng khi lưu trữ và truyền tải, các giải pháp phòng chống phần mềm độc hại.

3. Truy cập vào Hệ thống VNU-MIS và kho dữ liệu phải được kiểm tra, xác thực chặt chẽ; áp dụng chính sách mật khẩu mạnh, xác thực đa yếu tố đối với các tài khoản quản trị và các tài khoản truy cập dữ liệu quan trọng.

4. Đơn vị vận hành hệ thống tổ chức giám sát an toàn thông tin 24/7 và định

kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin để phát hiện sớm các lỗ hổng, nguy cơ tiềm ẩn.

Điều 26. Sao lưu, dự phòng và phục hồi dữ liệu

1. Đơn vị vận hành hệ thống có trách nhiệm xây dựng, ban hành và thực hiện chính sách sao lưu dữ liệu tự động và định kỳ cho toàn bộ Hệ thống VNU-MIS. Dữ liệu sao lưu phải được lưu trữ an toàn tại một địa điểm vật lý tách biệt.

2. Xây dựng và định kỳ diễn tập phương án phục hồi thảm họa, đảm bảo khả năng phục hồi hệ thống và dữ liệu trong thời gian ngắn nhất trong trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của Văn phòng ĐHQGHN

1. Thừa ủy quyền của Giám đốc ĐHQGHN, Văn phòng ĐHQGHN giao nhiệm vụ cho Trung tâm Quản trị đại học số là Đơn vị vận hành hệ thống, giúp Giám đốc ĐHQGHN thực hiện thống nhất quản lý, vận hành, kiểm tra, giám sát việc sử dụng Hệ thống VNU-MIS theo quy định tại Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan, bảo đảm hoạt động liên tục, thông suốt, an toàn và đúng mục đích.

2. Rà soát các chức năng của Hệ thống VNU-MIS, chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật kịp thời, đầy đủ các chức năng theo quy định.

3. Tổ chức triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy chế này, định kỳ báo cáo Giám đốc ĐHQGHN về thông tin, tình hình thực hiện.

4. Chủ trì phương án kỹ thuật thực hiện liên thông, đồng bộ cơ sở dữ liệu; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo đảm tính tương thích, thông suốt trong quá trình chia sẻ, trao đổi dữ liệu giữa ĐHQGHN với các đơn vị, tổ chức, cá nhân.

Điều 28. Trách nhiệm của đơn vị chủ quản dữ liệu của ĐHQGHN

1. Chịu trách nhiệm cao nhất về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của dữ liệu thuộc lĩnh vực quản lý. ĐHQGHN giao:

a) Ban Đào tạo và Công tác sinh viên là chủ quản dữ liệu đối với nhóm dữ liệu của ĐHQGHN trong lĩnh vực đào tạo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

b) Ban Khoa học và Đổi mới sáng tạo là chủ quản dữ liệu đối với nhóm dữ liệu của ĐHQGHN trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

c) Ban Hợp tác và Phát triển là chủ quản dữ liệu đối với nhóm dữ liệu của ĐHQGHN trong lĩnh vực hợp tác và phát triển quy định tại Điều 11 Quy chế này.

d) Văn phòng ĐHQGHN là chủ quản dữ liệu đối với nhóm dữ liệu của ĐHQGHN trong lĩnh vực chuyển đổi số quy định tại Điều 12 Quy chế này.

đ) Ban Tổ chức và Thanh tra là chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu của ĐHQGHN về tổ chức và nhân sự thuộc lĩnh vực quản trị đại học quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này.

e) Ban Tài chính và Đầu tư là chủ quản dữ liệu đối với dữ liệu của ĐHQGHN về kế hoạch và tài chính, dữ liệu cơ sở vật chất thuộc lĩnh vực quản trị đại học quy định tại khoản 2 và 3 Điều 13 Quy chế này.

2. Chủ trì các phân hệ dữ liệu nghiệp vụ trên Hệ thống VNU-MIS, chịu trách nhiệm xây dựng các quy trình vận hành, phân công đầu mối thực hiện phân quyền trên chức năng và dữ liệu, và giám sát việc cập nhật, khai thác dữ liệu của các đơn vị trong ĐHQGHN.

3. Công bố danh mục dữ liệu được giao quản lý và các điều kiện, phương thức khai thác; xử lý các yêu cầu khai thác dữ liệu theo quy định.

4. Từ chối các yêu cầu khai thác dữ liệu không tuân thủ quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị thuộc ĐHQGHN

1. Chỉ đạo, bảo đảm việc tuân thủ các quy định tại Quy chế này trong phạm vi tổ chức, quyền hạn của đơn vị mình. Bố trí đầu mối thực hiện hoạt động dữ liệu.

2. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc ĐHQGHN về sự đầy đủ và chính xác của dữ liệu do đơn vị mình cập nhật trên Hệ thống VNU-MIS, các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống báo cáo khác (nếu có) theo yêu cầu của Giám đốc ĐHQGHN và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Khai thác và sử dụng dữ liệu đúng mục đích đã được phê duyệt; bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin dữ liệu đã khai thác; không được cung cấp cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý của chủ quản dữ liệu.

4. Thông báo kịp thời cho chủ quản dữ liệu khi phát hiện dữ liệu không chính xác, không đầy đủ để được cập nhật, sửa đổi.

Điều 30. Trách nhiệm của cá nhân trong ĐHQGHN

1. Không chia sẻ thông tin tài khoản và các phương thức xác thực, truy cập Hệ thống VNU-MIS.

2. Chỉ sử dụng dữ liệu được phép truy cập trên Hệ thống VNU-MIS cho các mục đích công việc, phục vụ học tập và nghiên cứu; tuân thủ đầy đủ quy định của Quy chế này.

3. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin đối với dữ liệu đã khai thác.

Điều 31. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Đơn vị, cá nhân thực hiện tốt Quy chế này sẽ được xem xét đề xuất khen thưởng hàng năm theo quy định.

2. Đơn vị, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật hoặc các hình thức xử lý khác theo quy định hiện hành; nếu vi phạm gây thiệt hại lớn đến dữ liệu và hệ thống thông tin của ĐHQGHN thì sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất về những thiệt hại gây ra theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 32. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, các đơn vị có vấn đề phát sinh, vướng mắc đề nghị phản ánh về Văn phòng ĐHQGHN (qua Trung tâm Quản trị đại học số) để tổng hợp, trình Giám đốc ĐHQGHN xem xét, sửa đổi, bổ sung Quy chế./.